

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên Doanh nghiệp: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam
- Địa chỉ trụ sở chính: Khối I, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An
- Mã chứng khoán: BSL
- ĐT: (84+) 2388.662.666
- Fax: (84+) 2388.662.662
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Hồng Anh
- Chức vụ: TV. HĐQT/ Phó giám đốc
- Loại công bố thông tin: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

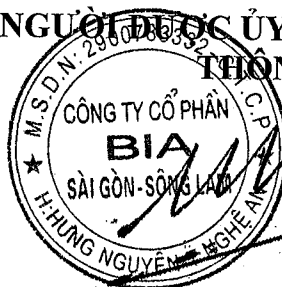
Báo cáo thường niên 2019 được công bố tại Website của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam.

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Nơi nhận:

- Như trên;
- TVHĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: TK.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**



Nguyễn Hồng Anh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900783332
- Vốn điều lệ: 450.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Khối 1 - xã Hưng Đạo - huyện Hưng Nguyên - tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại: 02383.587.200
- Số fax: 02383.587.226
- Website: <http://sasobeco.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có): BSL

Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày 20/12/2006: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2703001077 có trụ sở chính tại khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, là Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

- Ngày 9/12/2007: Nhà máy bia Sài Gòn – Sông Lam được khởi công xây dựng tại khu Rủ Mượu thuộc địa bàn xã Nam Giang, huyện Nam Đàn và xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên.

- Ngày 13/07/2009: Chính thức triển khai xây dựng Nhà máy. Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông lam được xây dựng với tổng giá trị thực hiện dự án giai đoạn 1 là 1.045 tỷ đồng, trong đó phần thiết bị trị giá 859,797 tỷ đồng. Tổng thầu thiết kế và xây lắp nhà máy là Công ty Kroness AG – CHLB Đức, công suất thiết kế đạt 100 triệu lít/năm và có thể mở rộng lên 200 triệu lít/năm. Việc Sabeco xây dựng nhà máy bia tại Nghệ An là thành quả của quá trình hợp tác đầu tư giữa Tổng công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn với UBND Tỉnh, không những góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương mà còn thể hiện nghĩa cử cao đẹp trên quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Ngày 12/08/2010: Sản xuất mẻ bia thương mại đầu tiên.

- Ngày 12/12/2014: Chuyển trụ sở chính Công ty về tại Khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- Ngày 30/12/2014: Công ty nhận Cờ thi đua của Bộ Công Thương theo Quyết định 11996/QĐ-BCT.

- Ngày 20/12/2016: Kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; mua bán nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng, vận tải, xây dựng các dịch vụ và ngành nghề khác theo quy định pháp luật.

- Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát và Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý

+ Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ: Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ. Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.

+ Hội đồng Quản trị: Là cơ quan quản lý cấp cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa kỳ Đại Hội. Các thành viên Hội đồng Quản trị được cổ đông bầu. Hội đồng Quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

+ Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc.

+ Ban Giám đốc: Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chỉ đạo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

+ Công ty có 13 Phòng ban, phân xưởng: Phòng Kế toán tài chính; Phòng Hành chính – Tổ chức; Phòng Kế hoạch - Đầu tư; Phòng Kiểm soát chất lượng; Phòng Kỹ thuật; Phòng Kiểm toán nội bộ; Bộ phận ISO; Phân xưởng Nấu – Xử lý nước cấp; Phân xưởng Động lực; Phân xưởng Lên men – Lọc - CIP – Xử lý nước thải; Phân xưởng Chiết bia; Phân xưởng Bảo trì và Bộ phận Kho.

+ Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Hoàn thành tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông và Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn đề ra.

+ Duy trì, đảm bảo tốt chất lượng các sản phẩm khi xuất ra thị trường.

+ Đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh.

+ Tăng cường, phối hợp với Công ty Thương mại tại khu vực phát triển thị trường.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Bám sát định hướng, quy hoạch phát triển sản xuất xuất cũng như thị trường do Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn đề ra.

+ Tăng cường vai trò quản lý sản xuất kinh doanh qua các công tác cải tiến kỹ thuật, minh bạch trong quản trị, đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty bằng việc đẩy mạnh sản xuất, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần cùng Tổng Công ty nâng cao uy tín thương hiệu, mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu cho Công ty, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và đưa Công ty ngày càng phát triển.

+ Chủ động tìm kiếm các thị trường tiềm năng và đẩy mạnh hợp tác, phát triển các dòng sản phẩm thế mạnh.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng tích hợp ISO 9001:2015; Hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005; Hệ thống Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; Hệ thống phòng kiểm nghiệm đạt yêu cầu tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC 17025:2005 mang lại nhiều hiệu quả cao trong công tác giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Phối hợp với các cơ quan ban ngành, các tổ chức, địa phương thực hiện công tác xã hội theo định hướng của Tổng Công ty “Bia Sài Gòn chung tay vì cộng đồng”.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)

+ Hiệu quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc lớn vào sản lượng sản xuất và giao nhận hàng của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn;

+ Cạnh tranh khốc liệt với nhiều loại sản phẩm bia khác trong và ngoài nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

+ Trong năm 2019, tình hình kinh tế có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn, thách thức.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019		Tỷ lệ % TH/KH
		Kế hoạch	Thực hiện	
1. Sản lượng sản xuất	Nghìn lít	114,961	102,802	89.42
2. Sản lượng tiêu thụ	Nghìn lít	114,961	102,141	88.85
3. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1,967.62	1,888.16	95.96
4. Thuế TTĐB	Tỷ đồng	984.97	927.33	94.15
5. Giá vốn	Tỷ đồng	873.63	839.23	96.06
6. Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	1.73	1.40	81.23
7. Chi phí quản lý	Tỷ đồng	29.04	24.56	84.58
8. Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	63.85	89.30	139.86
9. Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0.58	0.61	106.36
- Lãi tiền gửi	Tỷ đồng	0.56	3.62	649.41

- Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	14.95	9.95	55.56
10. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	64.42	89.91	139.56
- Thuế TNDN	Tỷ đồng	12.88	21.35	165.72
- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	51.54	68.56	133.03

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ % sở hữu
1	Võ Hải Thanh	Giám đốc	05/05/1969	Cử nhân kinh tế, Kỹ sư cơ khí	0,30%
2	Nguyễn Hồng Anh	Phó Giám đốc	29/04/1968	Cử nhân kinh tế	0,11%
3	Hoàng Lâm Hòa	Phó Giám đốc	26/12/1968	Kỹ sư cơ khí	0,00%

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Số lao động có mặt cuối kỳ: 206 người; trong đó: nữ 61 người

Trong đó:

- Lao động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 205 người
- Lao động ký hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng đến 36 tháng: 01 người
- Số lao động ký hợp đồng lao động dưới 12 tháng: 0 người

+ Nguồn lao động ổn định và được điều chuyển cân đối giữa các bộ phận. Lao động trong năm giảm: 1%. 100% người lao động được bố trí việc làm thường xuyên, ổn định, không có tình trạng người lao động nghỉ chờ việc và nghỉ việc do không có việc làm.

+ Nguồn lao động trẻ, với trình độ chuyên môn cao, trình độ đại học chiếm 46%, cao đẳng và trung cấp chiếm 24%, lao động có bằng nghề, công nhân kỹ thuật chiếm 30% tổng số lao động và thường xuyên được đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cụ thể:

- Các chế độ, chính sách đối với người lao động như tham gia Bảo hiểm xã hội theo quy định được thực hiện nghiêm túc. Người lao động được hưởng các chế độ khác từ nguồn quỹ chăm lo đời sống cho người lao động của Công ty.

Số lần đào tạo trong năm 2019: 8 lượt với 217 lượt người và chi phí đào tạo 485.8 triệu đồng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

c. Đầu tư bổ sung: Triển khai đầu tư chiều sâu nhằm đảm bảo an toàn trong vận hành sản xuất của nhà máy cũng như Đầu tư xây dựng một số hạng mục mới thiết yếu theo yêu cầu của Tổng Công ty để đảm bảo cảnh quan, môi trường cũng như an toàn, an ninh của nhà máy như:

- Đang hoàn thiện nhà kho tạm và đường giao thông nội bộ. Đã triển khai thực hiện công tác duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ và xây dựng mới các công trình nhỏ trong năm 2019 nhằm nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng.

- Dự án xây dựng Nhà ăn công nhân: Đã hoàn thành, đang thực hiện công tác nghiệm thu, kiểm toán và thanh quyết toán dự án đầu tư.

- Dự án đầu tư thêm bồn chứa CO2: Đã hoàn thành, đang thực hiện công tác nghiệm thu, kiểm toán và thanh quyết toán dự án đầu tư.

- Dự án xây dựng sân bãi chứa chai kết rỗng: Đã hoàn thành, đang thực hiện công tác thanh quyết toán dự án đầu tư.

- Dự án Đầu tư Hệ thống điện năng lượng mặt trời công suất 1MWp tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam, đang triển khai thực hiện phần hồ sơ pháp lý theo chủ trương của Tổng công ty, thời gian hoàn thành quý IV năm 2020.

- Dự án Đầu tư 1 phần đường nội bộ và thoát nước khu vực Văn phòng công chính phía Nam, đang triển khai thực hiện phần hồ sơ pháp lý, thời gian hoàn thành quý III năm 2020.

- Dự án xây dựng Nhà văn phòng: Đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam phê duyệt chủ trương thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà văn phòng, đang triển khai thực hiện và hoàn thiện phần lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 đã được phê duyệt.

d. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	835,346,653,695	781,764,293,739	(6)
Doanh thu thuần	868,824,159,686	960,833,511,473	11
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	39,956,329,340	89,300,347,985	123
Lợi nhuận khác	596,859,071	612,660,064	3
Lợi nhuận trước thuế	40,553,188,411	89,913,008,049	122
Lợi nhuận sau thuế	32,288,916,924	68,561,332,839	112
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6%	13%	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0.58	0.83	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0.05	0.20	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	41.96	33.70	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	72.29	50.83	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	9.09	9.84	
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1.04	1.23	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3.72	7.14	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	14.14	13.23	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3.87	8.21	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4.60	9.29	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**a) Cổ phần:**

- Tổng số cổ phiếu của công ty: 45.0000.000 CP.
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 0 CP.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật :0 CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn chiếm 30.950.000 cổ phần ứng với tỷ lệ 68.8%.
- Cổ đông khác chiếm 14.050.000 cổ phần tương ứng với tỷ lệ 31.2%
- + Cổ đông là tổ chức chiếm 35.301.667 cổ phần tương ứng 78.45%
- + Cổ đông cá nhân chiếm 9.698.333 cổ phần ứng với tỷ lệ 21.55%
- Không có cổ đông nước ngoài.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.**d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.****e) Các chứng khoán khác: Không.**

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

5.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Malt: 12.524.720kg

- Gạo: 3.080.186kg

- Hoa cao houblon: 5.631,48kg

- Lon rỗng: 215.235.895 cái tương đương 2.280,49 tấn (trung bình 10.6g/ lon rỗng)

- Thùng giấy: 8.969.716 thùng tương đương 2.240,42 tấn (trung bình 185g/ thùng giấy).

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

5.2 Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Điện: 11.892.616 kWh

- Hơi bão hòa: 32.975 tấn.

b) Các biện pháp nhằm tiết kiệm năng lượng đã được thực hiện tại nhà máy như: Quản lý giám sát chặt chẽ việc tiêu thụ năng lượng từ đó đưa ra các biện pháp giảm hao phí, tiết kiệm năng lượng hiệu quả, Lắp đặt đồng hồ đo điện tại từng phân xưởng, Lắp đặt Biến tần cho các động cơ, sử dụng đèn Led tiết kiệm điện thay thế cho đèn Halogen, Lắp đặt áo nhiệt cho hệ thống hơi nóng nhằm tiết kiệm hơi nóng... Thông qua việc giám sát sử dụng năng lượng, tiết giảm hao phí và áp dụng các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả, công ty đã thực hiện giảm được định mức sử dụng năng lượng so với 2018 (Điện giảm 10%, Hơi giảm 11%).

5.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2019)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn cấp nước cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là nguồn nước từ kênh đào và các nhà cung cấp nước trên địa bàn. Tổng lượng nước sử dụng năm 2019 là 552.557 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nước tái sử dụng từ nước thải đã được xử lý dùng để tưới cây, cỏ: 100m³ chiếm 0,018%.

5.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

5.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động năm 2019 là 206 người trong đó lao động nữ 61 người.

- Mức lương trung bình đối với người lao động là 10.9 triệu đồng/ tháng. Người lao động có việc làm ổn định thường xuyên.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Ngoài chính sách việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định cho người lao động, chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi cho người lao động luôn được chú trọng.

- Người lao động làm việc tại các phân xưởng được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động. Các hoạt động tặng quà CBCNV các ngày lễ, thăm hỏi kịp thời đời sống của người lao động... luôn được duy trì và phát huy qua các năm. Chi phí lợi chăm lo đời sống người lao động năm 2019 là 2.09 tỷ đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công ty tổ chức các khóa đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, cử cán bộ quản lý đi tham dự các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu về quản lý sản xuất, kinh doanh thị trường, kỹ thuật công nghệ, thiết bị, công nghệ thông tin và tài chính kế toán. Trong thời gian học tập, người lao động được hưởng nguyên lương, được đảm bảo các quyền lợi khác.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên. Số giờ đào tạo năm 2019: 7.6 giờ/ người.

III. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ TH 2019/201 8	Tỷ lệ TH 2019/201 9
1	Sản lượng tiêu thụ	1000 lít	92,699	114,961	102,141	110.19%	88.85%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1,684.65	1,967.62	1,888.16	112.08%	95.96%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	817.70	904.40	865.20	105.81%	95.67%
4	Tổng số thuế phải nộp ngân sách	Tỷ đồng	926.82	1,119.69	1,067.13	115.14%	95.31%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	40.55	64.42	89.91	221.73%	139.56%

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

1. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Stt	NỘI DUNG	NĂM 2018		NĂM 2019		CHÊNH LỆCH	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Số tuyệt đối	Tỷ lệ
I	Tài sản ngắn hạn	202,171,661,011	24%	218,590,766,332	28%	16,419,105,321	8%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	17,526,002,982	9%	13,608,853,476	6%	(3,917,149,506)	-22%
2	Khoản phải thu ngắn hạn	63,671,607,874	31%	39,186,732,203	18%	(24,484,875,671)	-38%
3	Đầu tư Tài chính ngắn hạn	32,000,000,000	16%	80,000,000,000	37%	48,000,000,000	150%
4	Tài sản ngắn hạn khác	1,769,002,505	1%	542,471,779	0%	(1,226,530,726)	-69%

3	Hàng tồn kho	87,205,047,650	43%	85,252,708,874	39%	(1,952,338,776)	-2%
II	Tài sản dài hạn	633,174,992,684	76%	563,173,527,407	72%	(70,001,465,277)	-11%
1	TSCĐ	615,257,764,921	97%	545,067,196,436	97%	(70,190,568,485)	-11%
2	Tài sản dài hạn khác	17,324,727,763	3%	14,942,036,971	3%	(2,382,690,792)	-14%
	Tổng TS	835,346,653,695		781,764,293,739		(53,582,359,956)	-6%

Tổng tài sản năm 2019 giảm 53,58 tỷ đồng so với năm 2018, trong đó chủ yếu do tài sản dài hạn giảm 11% tương ứng với 70 tỷ đồng mà tài sản cố định giảm do lũy kế khấu hao tăng lên nên không ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong khi đó tài sản ngắn hạn tăng 16 tỷ đồng (8%) so với năm 2018 do trong năm 2019 công ty đã cân đối tốt dòng tiền nên tiền vay giảm đồng thời có tiền gửi tiết kiệm cao hơn so với năm 2018 là 48 tỷ đồng; phải thu ngắn hạn giảm và hàng tồn kho năm 2019 đáng kể so với năm 2018. Công ty không có khoản nợ phải thu khó đòi cũng như tất cả các tài sản của doanh nghiệp vẫn trong tình trạng hoạt động tốt.

b) Tình hình nợ phải trả

STT	NỘI DUNG	NĂM 2018		NĂM 2019		CHÊNH LỆCH	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Số tuyệt đối	Tỷ lệ
1	Nợ ngắn hạn	350,189,934,853	42%	263,119,038,658	34%	(87,070,896,195)	-25%
1,1	Phải trả người bán	19,553,086,340	2%	29,572,133,617	4%	10,019,047,277	51%
1,2	Vay ngắn hạn	216,614,876,467	26%	118,766,311,328	15%	(97,848,565,139)	-45%
2	Nợ dài hạn	320,000,000	0%	320,000,000	0%	-	0%
2,1	Vay dài hạn	-	0%	-	0%	-	

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Đề xuất nhiều giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật thiết bị và công nghệ áp dụng vào sản xuất góp phần giảm thiểu chi phí và nhân công lao động.
- Với dây chuyền suất khép kín, hiện đại, tự động hóa cao
- Triển khai và ứng dụng phần mềm trong quản lý sản xuất, quản lý kinh doanh, quản lý.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Phối hợp với Công ty Thương mại và các sở ban ngành địa phương nhằm tăng tiêu thụ sản phẩm tại chỗ, giảm thiểu chi phí vận chuyển, tăng lợi nhuận.
- Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, các phần mềm quản lý sản xuất vào quá trình để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Khai thác tối ưu nguồn nhân lực hiện có, đảm bảo chất lượng sản phẩm khi xuất ra thị trường. Thực hiện tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn lao động gắn liền với bảo vệ môi trường.

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Tiêu thụ nước: Nhà máy khai thác xử lý nước phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt từ nguồn nước mặt của sông Đào. Năm 2019 lưu lượng khai thác là 586.611 m³ với lưu lượng khai thác trung bình là 1.607 m³/ ngày đêm.

- Năng lượng: Tiết kiệm năng lượng là một trong những yếu tố được công ty chú trọng nhằm nâng cao hiệu quả, tiết giảm chi phí sản xuất, năm 2019 công ty đã thực hiện giảm định mức sử dụng năng lượng so với 2018 (Điện giảm 10%, Hơi giảm 11%). Năm 2019 công ty tiêu thụ 11,89 triệu kWh điện năng.

- Hệ thống lò hơi chính của nhà máy sử dụng công nghệ Biomass với nguồn nguyên liệu chính là mùn cưa. Lò hơi đốt dầu chỉ sử dụng để phòng ngừa sự cố nên lượng dầu tiêu thụ là không lớn.

- Phát thải: Hệ thống xử lý chất thải (nước thải, khí thải) tại nhà máy được đầu tư đồng bộ với thiết bị công nghệ hiện đại, tiên tiến nên luôn đảm bảo chất lượng trước khi xả thải ra môi trường. Các thông số phân tích chất lượng nước thải sau khi xử lý của Công ty đảm bảo đạt quy chuẩn cột A-QCVN 40:2011/BTNMT và khí thải đạt tiêu chuẩn theo quy chuẩn cột B-QCVN 19:2009/BTNMT.

- Theo giấy phép xả thải, công ty được phép xả thải tối đa 2.500 m³/ ngày đêm. Năm 2019 lưu lượng xả thải trung bình tại nhà máy khoảng 1.028 m³/ ngày đêm, chất lượng nước thải đầu ra luôn được giám sát liên tục qua hệ thống quan trắc tự động. Việc xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận tại sông Kẽ Gai không gây tác động xấu đến mục tiêu chất lượng của nguồn nước tiếp nhận cũng như các tác động xấu khác. Công ty luôn thực hiện quản lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Công ty luôn luôn thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ, trách nhiệm đối với môi trường như bảo vệ môi trường, đóng các khoản thuế phí như: khai thác nước mặt, phí xả thải vào môi trường, phí dịch vụ tài nguyên rừng...

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Ngoài việc thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Nhà nước đối với người lao động, Công ty luôn chú trọng nâng cao hơn nữa trách nhiệm của công ty đối với người lao động. Người lao động được hưởng thêm các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể.

- Hàng năm đều trích lập các quỹ chăm lo đời sống người lao động: tổ chức thăm hỏi tặng quà nhân các ngày lễ trong năm, chi trợ cấp khó khăn cho CBCNV, tặng quà đối tượng CBCNV nhân các ngày lễ kỷ niệm, chăm lo đời sống người lao động, tổ chức đi tham quan nghỉ mát hàng năm và tổ chức các hoạt động phong trào.

- Chế độ khen thưởng được thực hiện đầy đủ

- Hàng năm công ty đều tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho CBCNV. Công ty đã làm 01 sân bóng đá, bố trí kết hợp các sân chơi cầu lông, bóng bàn nhằm tạo dựng không khí vui chơi giải trí lành mạnh cho CBCNV sau giờ làm việc, sản xuất.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam luôn coi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là cam kết của doanh nghiệp đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua việc tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển cộng đồng, bảo đảm chất lượng sản phẩm... theo cách có lợi cho cả doanh nghiệp cũng như phát triển chung của xã hội.

- Bên cạnh đó, đơn vị luôn quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật đối với người lao động trong toàn đơn vị, từ đó hình thành được ý thức từ mỗi người lao động về hoạt động công tác xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, tương thân tương ái trong cộng đồng, chung tay vì cộng đồng đây là nghĩa vụ đồng thời cũng là một nét văn hóa của CBCNV Công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Trong thời gian qua, Công ty đã thực sự tập trung, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, cụ thể là trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Không chỉ vậy, công ty còn thực hiện tốt công tác tuyên truyền, lan rộng trách nhiệm đó đến với người lao động trong toàn đơn vị, thực hiện công tác xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, chung tay vì cộng đồng. Hội đồng quản trị công ty đánh giá cao và mong muốn những cam kết, những trách nhiệm cộng đồng của công ty được phát huy và ngày càng lớn mạnh hơn nữa.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thường xuyên giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc. Trong thời gian qua, Ban Giám đốc và các bộ phận tham mưu đã tổ chức đánh giá, phân tích dự báo tình hình hoạt động kinh doanh theo từng tháng, quý để HĐQT có biện pháp chỉ đạo kịp thời cho Ban Giám đốc. Ban Giám đốc đã huy động có hiệu quả các nguồn lực của Công ty, kiểm tra thường xuyên hiệu quả công việc của các phòng ban để nắm bắt thông tin, có biện pháp hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời giúp cho Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và chuẩn bị các điều kiện tốt nhất khi nền kinh tế hồi phục. Thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả sử dụng vốn cao nhất. Ban Giám đốc Công ty thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Các buổi họp giao ban được duy trì hàng tuần, quản lý và điều hành Công ty theo đúng qui định của pháp luật. Trong năm các định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD đề ra, các mặt hoạt động của Công ty được cải tiến theo hướng chuyên nghiệp. Để đạt được hiệu quả trên là do có sự phối hợp tốt giữa Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc. Chỉ đạo và điều hành đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định công việc công khai, minh bạch, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường quản trị công ty, tiếp tục thực hiện các chiến lược phát triển trung và dài hạn của công ty, bám sát định hướng do Sabeco đề ra để có những kế hoạch kinh doanh phù hợp, phát huy năng lực sản xuất nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu, mong muốn của thị trường vào bất kỳ thời điểm nào, đa dạng hóa chủng loại bao bì sản phẩm, đầu tư phát triển mặt hàng mới. Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa. Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro. Đánh giá, xem xét hiệu quả sử dụng vốn.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

St t	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ % sở hữu
1	Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	21/1/1973	Cử nhân kinh tế	0%
2	Văn Thanh Liêm	Thành viên Hội đồng Quản trị	07/07/1950	Cử nhân kinh tế	0,41%
3	Cao Thanh Bích	Thành viên Hội đồng Quản trị	06/12/1949	Kỹ sư	0%
4	Nguyễn Hồng Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị/ Phó Giám đốc	29/4/1968	Cử nhân kinh tế	0.11%
5	Võ Hải Thanh	Giám đốc, TV Hội đồng Quản trị	05/05/1969	Kỹ sư cơ khí – Cử nhân kinh tế	0,30%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện 04 phiên họp, ban hành Nghị quyết để chỉ đạo hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I	NGHỊ QUYẾT		
1	Số 01/2019/NQ-HĐQT	15/02/2019	Thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 15/02/2019.
2	Số 02/2019/NQ-HĐQT	16/04/2019	Thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 16/04/2019.
3	Số 03/2019/NQ-HĐQT	14/05/2019	Thông qua đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 18/2019/Ttr-BSGSL về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “khu trưng bày và triển lãm sản phẩm” tại Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam.
4	Số 04/2019/NQ-	05/06/2019	Thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị ngày

	HĐQT		05/06/2019.
5	Số 05/2019/NQ-HĐQT	20/08/2019	Thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 20/08/2019.
II	QUYẾT ĐỊNH		
1	Số 01/2019/QĐ-HĐQT	07/01/2019	Thành lập tổ thẩm định dự án đầu tư xây dựng nhà văn phòng tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam.
2	Số 02/2019/QĐ-HĐQT	07/01/2019	Thành lập tổ thẩm định dự án đầu tư xây dựng nhà ăn công nhân tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam.
3	Số 03/2019/QĐ-HĐQT	08/01/2019	Thành lập tổ thẩm định dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu đất 46 hộ dân tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam.
4	Số 04/2019/QĐ-HĐQT	10/04/2019	Phê duyệt thủ lao thành viên Ban kiểm soát của Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam.
5	Số 05/2019/QĐ-HĐQT	14/05/2019	Phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “khu trung bày và triển lãm sản phẩm” tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam.
6	Số 06/2019/QĐ-HĐQT	24/05/2019	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng Nhà ăn công nhân.
7	Số 07/2019/QĐ-HĐQT	24/05/2019	Miễn nhiệm Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ.
8	Số 08/2019/QĐ-HĐQT	29/05/2019	Bộ nhiệm chức vụ quyền trưởng phòng Kiểm toán nội bộ.
9	Số 09/2019/QĐ-HĐQT	28/06/2019	Thay thế thành viên thuộc Tổ thẩm định thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà Văn phòng tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam.
10	Số 10/2019/QĐ-HĐQT	28/06/2019	Thay thế thành viên thuộc Tổ thẩm định thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà ăn công nhân tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam.
11	Số 11/2019/QĐ-HĐQT	28/06/2019	Thay thế thành viên thuộc Tổ thẩm định thực hiện dự án đầu tư xây dựng Hàng rào khu đất 46 hộ dân tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam.
12	Số 12/2019/QĐ-HĐQT	18/07/2019	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư xây dựng Nhà ăn công nhân tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam.
13	Số 13/2019/QĐ-HĐQT	27/09/2019	Phê duyệt lại chủ trương đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà văn phòng tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

St t	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ % sở hữu
1	Nguyễn Thanh Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	12/05/1957	Cử nhân Kinh tế	0,033%
2	Đặng Hải Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	11/12/1977	Cử nhân Kinh tế	0%
3	Hoàng Thanh Vân	Thành viên Ban Kiểm soát	12/04/1982	Cử nhân Kinh tế	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2019.

- Kiểm tra, soát xét các hồ sơ Đầu tư dự án, công tác tổ chức cán bộ, việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động: thông qua việc tuân thủ quy chế phân phối tiền lương, xây dựng kế hoạch quỹ lương 2019, việc thực hiện xếp hạng doanh nghiệp, việc chi trả tiền lương cho người lao động, việc thực hiện chế độ BHXH đối với người lao động.

- Kiểm tra công tác Tài chính, Kế toán: về quản lý hóa đơn bán hàng, quản lý hồ sơ chứng từ Kế toán, công tác quản lý bao bì chai kết.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích 2019:

Đối tượng	Họ và tên	Thù lao	Lương	Tổng cộng
Hội đồng quản trị	Nguyễn Tiến Dũng	161,280,000		161,280,000
	Văn Thanh Liêm	107,520,000		107,520,000
	Võ Hải Thanh	107,520,000		107,520,000
	Cao Thanh Bích	107,520,000		107,520,000
	Nguyễn Hồng Anh	107,520,000		107,520,000
Ban Kiểm soát	Hoàng Thanh Vân	67,200,000		67,200,000
	Đặng Hải Hà	67,200,000		67,200,000
Ban điều hành	Võ Hải Thanh		635,000,000	635,000,000
	Nguyễn Hồng Anh		509,600,000	509,600,000
	Hoàng Lâm Hòa		196,100,000	196,100,000
	Nguyễn Thanh Thủy		283,880,000	283,880,000
	Văn Bá Thi		446,900,000	446,900,000
Tổng cộng		725,760,000	2,071,480,000	2,797,240,000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Thực hiện công bố đầy đủ và đúng hạn các Báo cáo quản trị, Báo cáo thường niên và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo đúng quy định của pháp luật.

- Các quy định về quản trị nội bộ Công ty được cập nhật theo quy định mới nhất của Pháp luật hiện hành

- Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan luôn được cập nhật kịp thời và chuẩn hóa nhằm đảm bảo đầy đủ các yêu cầu tuân thủ quy định và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

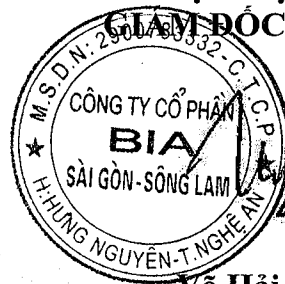
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nơi nhận:

- UBCK NN;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
KIỂM ĐỐC CÔNG TY**



Võ Hải Thanh

